

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2018/HSST
Ngày: 17/5/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Thu Thúy
2. Bà Nguyễn Thị Phi Khanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn Phương- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hóa - Kiểm sát viên.

Ngày 17/5/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2018/HSST ngày 16 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2018/HSST-QĐ, ngày 02 tháng 4 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn H; sinh năm 1987 tại Thanh Hóa; Trú tại: Làng N, xã C, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N (Đã chết) và bà Vi Thị L, sinh năm 1953; có vợ là Ngô Thị H, sinh năm 1992 (Đã ly hôn) và có 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai từ ngày 10/10/2017 cho đến nay (Có mặt).

2.D (tên gọi khác: Boh); sinh năm 1995 tại Gia Lai; Trú tại: Làng N, xã C, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Ja Rai; giới tính: Nam; tôn giáo: Tin lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông B, sinh năm 1954 và bà B, sinh năm 1954; bị cáo chưa có vợ và con; tiền án: Không; tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai từ ngày 10/10/2017 cho đến nay (Có mặt).

*** Người bị hại:** Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 4, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Chị Ngô Thị H, sinh năm 1992 (Có mặt).

Địa chỉ: Làng N, xã C, thành phố P, tỉnh Gia Lai

*** Người phiên dịch:** Bà Hyan (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 05/10/2017, Lê Văn H uống rượu tại nhà của D ở làng N, xã C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Đến chiều cùng ngày H cùng D rủ nhau mang rượu ra đường L, tổ 6, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai để tiếp tục uống. H và D đi theo đường mòn qua vườn cà phê gần đường L, H lấy một con dao tự chế dài khoảng 40cm của H trước đây làm thuê để lại tại rẫy rồi đưa cho D cầm. Sau đó H và D đi đến đường L thuộc tổ 6, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai và ngồi bên lề đường uống rượu. Đến khoảng 17h cùng ngày, do hết thuốc hút nên H nói D “Có xe kia em, ra xin 10.000đ mua thuốc hút”, D đồng ý. Lúc này có một xe ô tô nhỏ loại màu xanh (chưa rõ biển số và người điều khiển) lưu thông trên đường L hướng ra đường T nên H nhặt một cục gạch 6 lỗ bên đường, còn D cầm dao mang theo ra ngoài đường chặn chiếc xe này lại. Khi xe dừng lại, H đi đến nói với người lái xe “chú ơi cho 10.000đ mua thuốc”. Người lái xe nói: “Không có tiền, chỉ có thuốc thôi” rồi người lái xe đưa cho H nửa gói thuốc lá hiệu White Horse. H cầm lấy gói thuốc, rồi người tài xế điều khiển xe đi. Ngay lúc này H và D phát hiện có xe ô tô tải biển số 81K-0342 do anh Nguyễn Văn N điều khiển hướng từ đường T đi vào xưởng gỗ Nguyễn Quang cũng vừa chạy đến. H cầm cục gạch đứng chặn trước đầu xe anh Nhân, còn D cầm dao đi đến cửa bên tài chỗ anh Nhân ngồi, rồi giơ dao chỉ vào cửa kính chắn gió, cách mặt anh Nhân 30cm và nói với anh Nhân: “Cho tao mấy chục”, anh Nhân nói: “Không có tiền”. D nói tiếp: “Không có tao đâm”. Do sợ bị đâm và bị đập kính xe ô tô nên anh Nhân lấy trong ví ra đưa cho D 50.000đ, rồi điều khiển xe đi vào xưởng gỗ Nguyễn Quang, còn H và D đi bộ trên đường L. Khi vào đến xưởng gỗ, anh Nhân cùng với một số người chạy ra truy đuổi để bắt giữ H và D. Thấy vậy H và D chạy về nhà ông Thúp ở làng Chăm Neh, xã Chư Hdrông, thành phố P, tỉnh Gia Lai, tại đây D đưa dao cho ông Thúp và nhờ ông Thúp đi đòi rượu về uống tiếp. Sau đó anh Nhân đã đến Công an phường C trình báo.

Khoảng 21h10 ngày 10/10/2017, tổ tuần tra Công an phường C phát hiện thấy Lê Văn H đi lang thang trên đường, kiểm tra hành chính nhưng H không xuất trình được giấy tờ tùy thân nên đã yêu cầu H về trụ sở Công an phường làm việc và H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên đồng thời giao nộp gồm: 01 đồng hồ đeo tay, giấy đeo bằng kim loại màu vàng, mặt tròn có chữ Waterresist; 01 điện thoại di động hiệu Nokia RM944 màu đen đã cũ, Imel 369976/05763024/6. Sau khi biết H đã bị bắt giữ nên vào lúc 23h ngày 10/10/2017, D đến công an xã Chư Hdrông đầu thú. Công an phường C và Công an xã Chư Hdrông đã chuyển Lê Văn H, D, hồ sơ và số

tài sản thu giữ của H đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố P để điều tra, xử lý.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như những tình tiết nêu trên.

Tại Cáo trạng số: 53/CTr-VKS ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố Lê Văn H và D về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

*Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168 và điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38, 50, 54, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Văn H từ 05 (năm) năm đến 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù; D (Boh) từ 05 (năm) năm đến 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Cướp tài sản.

*Về trách nhiệm dân sự và vật chứng của vụ án: Bị hại không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét về phần bồi thường. Đối với 01 đồng hồ và 01 điện thoại không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho Lê Văn H. Truy thu giá trị nửa gói thuốc lá mà các bị cáo đã chiếm đoạt để sung quỹ Nhà nước.

Trước khi HĐXX nghị án các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo Lê Văn H: Bị cáo biết mình phạm tội, việc làm của bị cáo là sai trái, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo, để bị cáo có cơ hội cải tạo tốt sớm trở về với gia đình, trở thành người công dân tốt cho xã hội.

Bị cáo D: Mong HĐXX xem xét giảm nhẹ tội, để bị cáo sớm về với gia đình và xã hội, nuôi dưỡng mẹ già, bị cáo là người dân tộc thiểu số nhận thức pháp luật có nhiều hạn chế.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại hồ sơ, lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, HĐXX có đủ cơ sở xác định:

Vào khoảng 17 giờ ngày 05 tháng 10 năm 2017, tại đường L, thuộc tổ 6, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai, Lê Văn H và D đã có hành vi dùng dao, gạch đe dọa rồi chiếm đoạt 50.000đ của anh Nguyễn Văn N và nửa gói thuốc lá hiệu White Horse của một người đi đường không xác định được họ tên, địa chỉ.

[2] Hành vi dùng dao, gạch đe dọa ngay tức khắc rồi chiếm đoạt tài sản của Lê Văn H và D là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản và quyền

được bảo vệ về sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội Cướp tài sản. Khi thực hiện hành vi cướp tài sản các bị cáo đã sử dụng dao, gạch – đây là những phương tiện nguy hiểm. Do đó hành vi phạm tội của các bị cáo đã phạm tình tiết tăng nặng định khung, đó là: “sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự như truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ.

[3] Xét thấy đây là vụ án đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, thông thường các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể, trong đó Lê Văn H là người khởi xướng, trực tiếp cùng D thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo đều có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, là người đã thành niên, có khả năng lao động nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân dẫn đến thực hiện hành vi phạm tội. Sau khi phạm tội đã ra đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản chiếm đoạt 50.000đ và nửa gói thuốc lá hiệu White Horse, bị cáo Lê Văn H đã tác động để chị Ngô Thị H bồi thường thay cho bị cáo H và D số tiền 50.000đ cho người bị hại Nguyễn Văn N, các bị cáo là người dân tộc thiểu số nhận thức pháp luật có nhiều hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng khi quyết định hình phạt như đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận. Bị cáo hai lần thực hiện hành vi cướp tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Xét thấy cần thiết pH cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, tài sản chiếm đoạt giá trị không lớn, là người dân tộc thiểu số am hiểu pháp luật hạn chế nên HĐXX áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại Khoản 6 Điều 168 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản” nên bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, không có tài sản riêng. Do đó HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Về trách nhiệm dân sự người bị hại không có yêu cầu gì về việc bồi thường, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngô Thị H không có yêu cầu gì đối với số tiền đã bồi thường thay cho bị cáo Lê Văn H, D nên HĐXX không xem xét, đề cập trong phần quyết định. Đối với giá trị nửa gói thuốc White Horse các bị cáo chiếm đoạt không tìm được người bị hại nên cần truy thu sung quỹ Nhà nước. Đối với 01 đồng hồ và 01 điện thoại di động không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho Lê Văn H.

[6] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thành phố P,

Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Lê Văn H và D (Boh)** phạm tội **“Cướp tài sản”**.

-Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 168; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38, 50, 54, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Lê Văn H - 05 (Năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (10/10/2017).

Xử phạt bị cáo D (Boh) - 05 (Năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (10/10/2017).

-Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017:

+Trả lại cho Lê Văn H: 01 đồng hồ đeo tay, giấy đeo bằng kim loại màu vàng, mặt tròn có chữ Waterresist và 01 điện thoại di động Nokia RM 944, màu đen đã cũ, Imel 369976/05763024/6.

+Truy thu của Lê Văn H và D (Boh) giá trị tài sản chiếm đoạt ½ gói thuốc White Horse là 10.000đ (Mười nghìn đồng), trong đó Lê Văn H 5.000đ và D 5.000đ.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố P và Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố P, ngày 16/4/2018)

- Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, 23 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Buộc bị cáo Lê Văn H và D (Boh) mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai để

yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Thi hành án dân sự thành phố P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Văn Tiến

